TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Sâm

Ông Dương Đức Bản

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm L, sinh năm: 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 74 Bà Triệu, tổ dân phố 9, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ báo tin: Giáo viên Trường Mầm Non Đồng Phú, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Quang B, sinh năm 1977; đăng ký hộ khẩu thường trú và chổ ở hiện nay: Số nhà 74 Bà Triệu, tổ dân phố 9, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm L trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Lê Quang B có quá trình tìm hiểu nhau tự nguyện và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2009 tại UBND thị trán Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa

vợ chồng chỉ hòa thuận, êm ấm được thời gian ngắn ban đầu. Phần lớn thời gian sống chung của vợ chồng về sau và cho đến tận bây giờ luôn phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vả, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 năm trở lại đây và kể từ tháng 8 năm 2024 bà Lệ và hai con đã ra thuê nhà sống riêng, ông Biền hiện sống cùng với gia đình bên nội. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng khác biệt nhau quá lớn về tính tình, cách sống. Trong cuộc sống hằng ngày, ông Biền đã không có sự sẽ chia, gánh vác công việc nhà cũng như kinh tế với bà Lệ, bỏ mặc một mình bà vừa đi làm kiếm tiền nuôi cả gia đình, vừa lo chăm sóc, dạy dỗ con cái học hành. Vì thương con và cũng muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà Lệ cũng đã nhiều lần tìm cách khuyên nhủ chồng thay đổi cách sống, tìm kiếm việc làm có thêm thu nhập phụ giúp bà nuôi các con ăn học nhưng ông Biền vẫn không chịu thay đổi. Tình trạng vợ chồng như trên kéo dài dẫn đến bà Lệ cảm thấy quá mệt mỏi, bất lực trước cách sống vô trách nhiệm của chồng, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau nên bà Lệ có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Quang B.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thị Thu Thảo, sinh ngày 18/8/2010 và cháu Lê Quang Nguyên, sinh ngày: 05/8/2016. Từ khi các con được sinh ra và khôn lớn cho đến tận bây giờ bà Lệ là người gần gủi, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Giữa các con và ông Biền không có sự gắn kết tình cảm cha con vì ông Biền ít khi quan tâm, chăm sóc, gần gủi với các con. Kể cả trong thời gian vợ chồng sống ly thân, khoảng cách giữa nhà thuê nơi bà và hai con sinh sống với nơi ông Biền đang ở là rất ngắn nhưng ông Biền rất ít qua lại thăm non, chăm sóc các con. Vì vậy, sau khi vợ chồng ly hôn, bà Lê có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và có yêu cầu ông Biền đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu Lê Quang Nguyên thành niên.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Lệ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Quang B:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Biền gồm Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các báo phát của đơn vị dịch vụ bưu chính thể hiện ông Biền đã nhận, ký vào vị trí người nhận trên báo phát bưu phẩm nhưng cho đến nay ông Biền vẫn không có mặt tại Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.Kết quả xác minh tình tạng cư trú tại cơ quan có thẩm quyền xác định: Bị đơn ông Lê Quang B hiện đang sống tại số nhà 74 Bà Triệu, phường Đồng phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Tại Đơn trình bày ngày 13/3/2025 của cháu Lê Thị Thu Thảo và Đơn trình bày ngày 13/3/2025 của cháu Lê Quang Nguyên (con chung của ông Biền và bà Lệ) có nội dung: *Các cháu là con của ông Biền, bà Lệ. Trường hợp nếu bố mẹ ly hôn thì cả các cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ.*

Kết quả xác minh tại Tổ trưởng Tổ dân phố 9, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới (là nơi gia đình ông Biền và bà Lệ sống trước khi ly thân) thể hiện: *Vợ chồng ông Biền, bà Lệ sống chung tại số nhà 74 Bà Triệu, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới từ trước cho đến tháng 8/2024 thì bà Lệ và hai con dọn đi sống ở nơi khác, hiện ông Biền vẫn sống tại đây. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Biền, bà Lệ trong thời gian sống tại nhà 74 bà Triệu là không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vả, xung đột lẫn nhau.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn và nuôi con chung. Bị đơn ông Lê Quang B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ việc nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do là từ bỏ các quyền nghĩa vụ của mình, không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm L

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Phạm L được ly hôn ông Lê Quang B.

+ *Về con chung:* Sau khi ly hôn, giao cả hai con chung Lê Thị Thu Thảo và Lê Quang Nguyên cho bà Phạm L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Lê Quang B có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung:* Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Bà Phạm L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; ông Lê Quang B phải chịu án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm L, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, nuôi con chung". Bị đơn ông Lê Quang B có nơi cư trú tại phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Quang B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê Quang B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét bà Phạm L và ông Lê Quang B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên đây được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra quá trình chung sống cả hai người phải có sự thương yêu, giúp đỡ, tôn trọng và cùng nhau chia sẽ mọi khó khăn, thuận lợi trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc, thuận hòa. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng giữa bà Lệ, ông Biền chỉ hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn ban đầu, phần lớn thời gian sống chung của vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẩn và những mâu thuẩn này ngày kéo dài nhiều năm, không được cả hai bên khắc phục, hóa giải nên lâu dần làm cho đời sống vợ chồng căng thẳng, lạnh nhạt và đỉnh điểm của mâu thuẩn, xung đột là vợ chồng đã sống ly thân 03 năm và từ tháng 8 năm 2024 đến nay thì bà Lệ và hai con chuyển đi sống ở một nơi khác. Tình trạng hôn nhân giữa hai người hiện tại là người này để mặc người kia, không ai quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, đời sống vợ chồng của ông Biền, bà Lệ đã thiếu sự hòa hợp lớn về tính cách, quan điểm sống. Ông Biền chưa làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ của một người chồng, người cha, chưa thực sự là trụ cột của gia đình. Mọi vất vả, khó khăn của cuộc sống hằng ngày, ông Biền đã không có sự chia sẽ, gánh vác cùng với vợ, dẫn đến tình trạng bất hòa, xung đột giữa vợ chồng diễn ra ngày một nhiều hơn. Trong thời gian sống ly thân và thời gian bà Lệ nộp đơn ly hôn tại Tòa
án thì ông Biền vẫn không có bất kỳ một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp gì làm thay đổi tình trạng mâu thuẩn giữa vợ chồng như hiện tại. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Lệ và ông Biền hiện nay là quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được

nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lệ, xử cho bà Lệ được ly hôn ông Biền là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung:

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm L phải chịu án phí ly hôn, ông Lê Quang B phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm L:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm L được ly hôn ông Lê Quang B.

1.2. Về con chung: xác định bà Phạm L và ông Lê Quang B có 02 (hai) con chung, gồm: Cháu Lê Thị Thu Thảo, sinh ngày 18/8/2010 và cháu Lê Quang Nguyên, sinh ngày: 05/8/2016.

Sau khi ly hôn, giao cả hai con chung Lê Thị Thu Thảo và Lê Quang Nguyên cho bà Phạm L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Lê Quang B có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi cháu Lê Quang Nguyên thành niên.

Không ai có quyền cản trở người không trực tiếp nuôi dưỡng thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc con chung; trong trường hợp cần thiết vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng đối với con chung.

1.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Phạm L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn

sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lệ đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001572 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, xác định bà Lệ đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Lê Quang B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Phạm L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Lê Quang B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND TT Hoàn Lão, H.Bố Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mỹ Hạnh